BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH
Số: 376 /TBTS-ĐHHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐHHB ngày 06/01/2025 về việc mở ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ, mã số: 9310110 của Trường Đại học Hòa Bình và nhu cầu người học, Trường Đại học Hòa Bình thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025 như sau:

1. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hòa Bình nhằm đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, để phát triển tri thức và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn theo ngành đào tạo

2. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Quản lý kinh tế	9310110	10	

3. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ là 04 năm (48 tháng). Nghiên cứu sinh dự tuyển từ bậc thạc sĩ có thể đăng ký thời gian đào tạo 03 năm (36 tháng). Thời gian đào tạo được xác định tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của từng nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng).

- Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Hòa Bình theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó nghiên cứu sinh cần đăng ký đủ 30 tín chỉ trong ít nhất hai năm học đầu của chương trình đào tạo.

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hòa Bình.

5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

5.1. Điều kiện về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp trình độ đại học đạt loại giỏi trở lên hoặc trình độ thạc sĩ có ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển trình độ tiến sĩ. Danh mục các ngành, chuyên ngành thạc sĩ và đại học được coi là phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ được quy định tại Phụ lục 01 của Thông báo này. Các bằng tốt nghiệp thuộc ngành, chuyên ngành không có trong danh mục này nhưng có chuyên môn gần với ngành đăng ký dự tuyển được Hội đồng tuyển sinh xem xét cụ thể sau khi người dự tuyển nộp hồ sơ.

Trong trường hợp người dự tuyển chưa có bằng thạc sĩ hoặc có bằng thạc sĩ phù hợp nhưng không thuộc ngành đúng với ngành dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ cần phải học bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ của ngành đăng ký dự tuyển ngay sau khi trúng tuyển.

b) Tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

Ghi chú: Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được dịch thuật công chứng sang tiếng Việt và nộp kèm theo bản công chứng Giấy chứng nhận công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam và có năng lực tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài, thể hiện qua một trong các văn bằng, chứng chỉ khi nộp hồ sơ dự tuyển:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 02 của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

d) Có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở

đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. *(Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài).*

5.3. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu, trong đó dự thảo đề cương nghiên cứu cần trình bày rõ tên đề tài hoặc định hướng lĩnh vực nghiên cứu; ngành và mã ngành; lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu; tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài hoặc hướng nghiên cứu; mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện; dự kiến đóng góp của đề tài nghiên cứu; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh (nếu trúng tuyển); và đề xuất người hướng dẫn khoa học.

5.4. Có thư giới thiệu của 01 nhà khoa học *(*có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu) đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu của người dự tuyển.

Thư giới thiệu phải có những nội dung sau:

- Bối cảnh hợp tác hoạt động chuyên môn của người giới thiệu với người dự tuyển;

- Các nhận xét đánh giá của người giới thiệu về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển (phẩm chất đạo đức, năng lực hoạt động chuyên môn, phương pháp làm việc, khả năng nghiên cứu, triển vọng phát triển về mặt chuyên môn...).

5.5. Được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm) hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do). Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiểu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán của quốc gia mà công dân đó được bảo hộ.

5.6. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Hòa Bình.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1 Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải

có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của trường Đại học Hòa Bình;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Mức ưu tiên

Người đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 6.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được ưu tiên xét tuyển và miễn giảm học phí theo quy định.

7. Kế hoạch phát hành, nhận hồ sơ dự tuyển và công bố kết quả xét tuyển

7.1. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ dự tuyển

7.1.1. Phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh

Vào giờ hành chính các ngày làm việc (từ Thứ hai đến Thứ sáu) cụ thể:

- Phát hành hồ sơ: từ ngày **31/5/2025;**

***Hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ tiến sĩ gồm**: (người dự tuyển sắp xếp hồ sơ theo thứ tự khi nộp hồ sơ)*

a) 01 Phiếu đăng ký dự tuyển có xác nhận của cơ quan giới thiệu dự tuyển theo quy định tại mục 5.5 (có dán ảnh và đóng dấu giáp lai, *theo mẫu H1*);

b) 01 Bản sao công chứng của các văn bằng chứng chỉ sau đây:

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;
- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ (không yêu cầu đối với người dự tuyển từ bậc đại học);
- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù (nếu có);
- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp các ngành ngôn ngữ nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có);
- Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (*nếu có*).

c) 01 Bản gốc thư giới thiệu của nhà khoa học theo quy định tại mục 5.4 (*theo mẫu*

H2);

d) Công văn giới thiệu dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức, *theo mẫu H3*);

đ) 01 bản gốc dự thảo đề cương nghiên cứu của người dự tuyển theo quy định tại mục 5.3 (*theo mẫu H4*);

e) 01 bộ bản sao các bài báo hoặc báo cáo khoa học của người dự tuyển (nếu có) đối với người dự tuyển là bậc đại học hoặc bậc thạc sĩ định hướng ứng dụng, lưu ý: Mỗi bài báo hoặc báo cáo khoa học (tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học) cần phải được sao chụp trang bìa, trang mục lục và toàn bộ nội dung bài viết, riêng hội thảo khoa học thêm trang bìa cuối giấy phép xuất bản. Thông tin về bài báo hoặc báo cáo khoa học phải được trình bày đầy đủ trong bản kê khai danh mục *theo mẫu H5;*

- Trong trường hợp người dự tuyển có nhiều hơn 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học theo quy định thì người dự tuyển cần đóng thành tập và sắp xếp theo trật tự của bản kê khai danh mục trong đó tách phần chấm điểm theo quy định (01 bài) và phần chấm điểm thưởng (gồm các bài còn lại).

f) 01 Bản sao công chứng hợp đồng lao động chứng minh ngạch giảng viên, nghiên cứu viên công tác từ 02 năm trở lên đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có);

f) 04 Ảnh màu cỡ 3x4 (ghi rõ họ tên và ngày sinh vào mặt sau ảnh), thời gian chụp ảnh không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

Người dự tuyển nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của văn bằng/chứng chỉ đã nộp. Nhà trường chỉ nhận hồ sơ tuyển sinh theo mẫu do Trường phát hành và không hoàn trả lại hồ sơ sau khi đã nộp. Các thay đổi hoặc thiếu sót phải được bổ sung đầy đủ trước ngày xét tuyển.

7.1.2. Cách thức nộp hồ sơ

Người dự tuyển tự tải các mẫu giấy tờ tại Website: daihochoabinh.edu.vn (mục tuyển sinh/tiến sĩ/thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ 2025), hoàn thành hồ sơ dự tuyển gồm các giấy tờ nêu tại mục 7.1.1. Người dự tuyển nộp hồ sơ trực tiếp tại Khoa Sau đại học, Trường Đại học Hòa Bình.

Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày **01/6/2025.**

Buổi sáng từ 08h30 – 11h30; Buổi chiều từ 14h00 – 17h00 các ngày trong tuần từ Thứ hai đến Thứ sáu

7.2. Thời gian công bố kết quả xét tuyển

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Căn cứ vào tình hình thực tiễn tuyển sinh,

Nhà trường sẽ có thông báo kết quả theo từng đợt xét tuyển

8. Học phí, lệ phí

8.1. Học phí theo năm học (2025 – 2026): 45.000.000 đồng/năm

8.2. Lệ phí:

a) Lệ phí hồ sơ: 300.000 đồng/hồ sơ;

b) Lệ phí xét tuyển: 2.000.000 đồng/hồ sơ.

9. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

- Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Hòa Bình

Địa chỉ: Số 8, Bùi Xuân Phái, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội;

Điện thoại: 0989.564.867.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Các tổ chức, cá nhân;
- Đăng Website;
- Lưu VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

Phụ lục 01

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

TT	Ngành đăng ký dự tuyển NCS	Các ngành chuyên ngành đào tạo đại học/thạc sĩ được đăng ký dự tuyển NCS		
		Nhóm ngành *(ghi trên bằng đại học/thạc sĩ)*	Chuyên ngành *(ghi trên bảng điểm đại học/thạc sĩ)*	Danh mục môn học bổ sung kiến thức
1	Quản lý kinh tế			
	Từ cử nhân	Kinh tế	Quản lý kinh tế	
	Từ Thạc sĩ	Nhóm 1: Kinh tế học	Kinh tế học; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Kinh tế chính trị; Thống kê kinh tế…	***Ứng viên thuộc đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 phải học bổ sung kiến thức 03 trong 06 học phần dưới đây, mỗi học phần gồm 3 tín chỉ:*** 1. Kinh tế học nâng cao 2. Kinh tế phát triển nâng cao 3. Phân tích chính sách kinh tế nâng cao 4. Quản trị chiến lược nâng cao 5. Quản trị doanh nghiệp nâng cao 6. Kinh tế - Quản lý nguồn nhân lực
		Nhóm 2: Kinh doanh và Quản lý	Kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử…); Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm); Kế toán, Kiểm toán (Kế toán, Kiểm toán); Quản trị - Quản lý (Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng…)…	
		Nhóm 3: Kinh tế, kinh doanh thuộc các nhóm ngành khác	Kinh tế công nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế thủy sản; Kinh tế xây dựng; Kinh tế giao thông; Kinh tế bưu chính viễn thông; Kinh tế vận tải; Kinh tế bảo hiểm; Kinh tế thương mại; Kinh tế lao động…	

** Ghi chú: Đối với văn bằng không thuộc danh mục ngành phù hợp và tên ngành, chuyên ngành ghi trên văn bằng của người dự tuyển có thể không trùng khớp với ngành, chuyên ngành tại Phụ lục này, mức độ phù hợp văn bằng sẽ do Hội đồng tuyển sinh và các tiểu ban chuyên môn xác định.*

Phụ lục 02

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL	B1	B2
		PEIC	Level 2	Level 3
		PTE Academic	43 - 58	59 - 75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplome de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplome de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2

		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	TPKH - TecT no pyccicomy 5I3bIKy KaK mocrpamiomy	TPKH-1	TPKH-2
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 3 trở lên	Từ bậc 4 trở lên

Phụ lục 03

DANH MỤC CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC PHÉP TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM TÍNH ĐẾN THÁNG 12/2024

TT	TÊN TRƯỜNG	TT	TÊN TRƯỜNG
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	18	Trường Đại học Công Thương
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	19	Trường Đại học Thương mại
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	20	Học viện Khoa học Quân sự
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
5	Đại học Thái Nguyên	22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
6	Trường Đại học Cần Thơ	23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
7	Trường Đại học Hà Nội	24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
9	Trường Đại học Vinh	26	Trường Đại học Ngoại Thương
10	Trường Đại học Sài Gòn	27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
12	Trường Đại học Trà Vinh	29	Đại học Kinh tế TP. HCM
13	Trường Đại học Văn Lang	30	Trường Đại học Lạc Hồng
14	Trường Đại học Quy Nhơn	31	Trường Đại học Đồng Tháp
15	Trường Đại học Tây Nguyên	32	Trường Đại học Duy Tân
16	Học viện An ninh Nhân dân	33	Trường Đại học Phenikaa
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền	34	Học Viện Ngân hàng

Phụ lục 04

TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN CHÍNH/ĐỘC LẬP NGHIÊN CỨU SINH

1. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn nghiên cứu khoa học phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

d) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnhvực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

- Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

đ) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư, phải có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

3. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

Phụ lục 05

DANH MỤC TẠP CHÍ KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH
ĐƯỢC HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC TÍNH ĐIỂM CÔNG TRÌNH

STT	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI (ISI) có IF >2 và A&HCI (ISI)	0-3,0
				SCI, SCIE, SSCI (ISI) có IF<2 và Scopus (Q1)	0-2,0
				ESCI (ISI) và Scopus (Q2, Q3, Q4)	0-1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (ACI)		Tạp chí	Xuất bản trực tuyến	0-1,25
				Không xuất bản trực tuyến	1-1,0
3	Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế, Quản lý và Kinh doanh của các trường đại học nước ngoài		Tạp chí	Thuộc 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Ranking (THE) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm.	0-1,0
4	Báo cáo khoa học viết bằng tiếng Anh tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chi số ISBN	0-1,0
5	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, Từ năm 2017 có chi số ISBN	0-0,50
6	Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị và Quản lý			Không thuộc danh mục ISSI/Scopus nhưng được xuất bản bởi các nhà xuất bản: Spinger; Elsevier; Wley- Blackwell; Taylor&Francis; Sage; Oxford University Press; Cambridge University; Press; Emerald; Macmillan; Publishers; Edward Elgar Publishing; De Gruyter; World; Scientific; Routledge; Peter Lang; Thomson	0-1,00
7	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và		Tạp chí	ĐH Quốc gia TP.HCM; ĐH Đà Nẵng; ĐH Huế	0-0,50

	kinh doanh				
8	Journal of Asian Business and Economic Studies (Từ 2017) (tên cũ: Journal of Economic Development)	Emerald English e-2515-964X p-2615-9112 cũ 1859-1116	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	0-1,0 0-1,25 từ 2018 0-1,50 từ 2022 (SCOPUS)
9	Nghiên cứu kinh tế và Kinh doanh Châu Á (từ 2017) (Tên cũ: Phát triển kinh tế)	p-2615-9104 Cũ: 1859-1116	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	0-1,0
10	Journal of Economics and Development (ACI từ 2016)	1859-0020	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	0-1,0 0-1,25 từ 2017
11	Kinh tế và phát triển	1859-0012	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	0-1,0
12	Nghiên cứu kinh tế	0866-7489	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-1,0
13	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế Thế giới)	0868-2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-1,0
14	Khoa học Thương mại	1859-3666	Tạp chí	Trường Đại học Thương Mại	0-0,50 0-0,75 từ 2013 0-1,0 từ 2017
15	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và Kinh doanh		Tạp chí	ĐH Quốc gia TP.HCM, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế	0-0,50
16	Phát triển Khoa học Công nghệ: Chuyên san Kinh têLuật và Quản lý	2588-1051	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế Luật, ĐH Quốc gia TP.HCM	0-0,50 0-0,75 từ 2020
17	Quản lý Nhà nước	2354-0761	Tạp chí	HV Hành chính Quốc gia	0-0,50 0-0,75 từ 2022
18	Khoa học & Đào tạo ngân hàng	1859-011X	Tạp chí	Học viện Ngân hàng	0-0,50 0-0,75 từ 2021
19	Kế toán và kiểm toán (Tên cũ: Kế toán)	1859-1914	Tạp chí	Hội Kế toán và Kiểm toán VN	0-0,50
20	Ngân hàng (Tên cũ: Thông tin KH Ngân hàng)	0866-7462	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0-0,50
21	Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh	0866-8612 Từ 2020: p-2615-9295 e-2588-1116	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0-0,75 từ 2020
	Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu chính sách và quản lý	0866-8612 Từ số 2/2017 p-2615-9295 e-2588-1116			0-0,50 từ 2020
22	Kinh tế và Ngân hàng châu Á- Asian Journal of Economics and Banking *(Tiếng Anh và tiếng Việt xuất bản từ*	1859-3682	Tạp chí	Trường ĐH ngân hàng TP.HCM	0-0,50

	năm 2019) Tên cũ: Công nghệ Ngân hàng *(Chỉ tính đối với các bài nghiên cứu khoa học, trước 2019)*				
23	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản VN	0-0,50 0-1,00 từ 2022
24	Kinh tế - Dự báo	0866-7120	Tạp chí	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0-0,50
25	Vietnam's Socio-Economic Development	0868-359X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Viêt Nam	0-0,50
26	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Viêt Nam	0-0,50
27	Kiểm toán	0868-3227	Tạp chí	Kiểm toán Nhà nước	0-0,50
28	Thương mại	0866-7500	Tạp chí	Bộ Công thương	0-0,50
29	Tài chính	2615-8973	Tạp chí	Bộ Tài chính	0-0,50 0-0,75 từ 2022
30	Công thương từ 4/2013 Tên cũ: Công nghiệp	0866-7756 0868-3778	Tạp chí	Bộ Công thương (Cũ: Bộ Công nghiệp)	0-0,50
31	Thị trường Tài chính tiền tệ	1859-2805	Tạp chí	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	0-0,50
32	Thuế Nhà nước	1859-0756	Tạp chí	Tổng cục Thuế	0-0,50
33	Vietnam Banking Review	0866-7462	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0-0,50
34	Vietnam Economic Review	0868-2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,50
35	Thống kê (Con số và Sự kiện)	0866-7322	Tạp chí	Tổng cục Thống kê	0-0,50
36	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tên cũ: Khoa học Kinh tế Nông nghiệp; Kinh tế Nông nghiệp)	0866-7020	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp & PTNT	0-0,50
37	Châu Mỹ ngày nay	0868-3654	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,50
38	Du lịch Việt Nam	0866-7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch	0-0,50
39	Bảo hiểm xã hội	1859-2562	Tạp chí	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	0-0,50
40	Lao động xã hội	0866-7643	Tạp chí	Bộ Lao động, Thương binh & XH	0-0,50
41	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,50
42	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: NC Nhật Bản; NC Nhật Bản và Đông Bắc Á)	0868-3646	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,50
43	Hoạt động Khoa học	0866-7152	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0-0,50
44	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu	0-0,50
45	Nghiên cứu quốc tế	1859-0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao (Tên cũ: Học viện	0-0,50

				Quan hệ quốc tế)	
46	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc	0-0,50
47	Khoa học Chính trị	1859-0187	Tạp chí	HV Chính trị Quốc gia HCM (Phân viện TP.HCM)	0-0,50
48	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	0868-3808	Tạp chí	Trung tâm Kinh tế Châu Á-TBD	0-0,50
49	Quản lý Kinh tế	1859-039X	Tạp chí	Viện NC Quản lý KT Trung ương	0-0,50
50	Quản lý Ngân quỹ quốc gia	1859-4999	Tạp chí	Kho Bạc Nhà nước	0-0,50
51	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-3453	Tạp chí	Trường Đại học Mở TP. HCM	0-0,50 0-0,75 từ 2020
52	Khoa học và công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-3712	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	0-0,50
53	Quản lý và Kinh tế quốc tế (từ 2020) Tên cũ: Kinh tế đối ngoại	2615-9848 (1859- 4050)	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại thương	0-0,50 0-0,75 từ 2017
	Journall of International Economics and Management Tên cũ: External Economics Review	2615-9856 (1859-4050)			0-0,50 0-0,75 từ 2017 0-1,00 từ năm 2021
54	Nghiên cứu Tài chính-Kế toán	1859-4093	Tạp chí	Học viện Tài chính	0-0,50 0-0,75 từ 2020 0-1,0 từ 2023
55	Journal of Finance and Accounting Research	2588-1493	Tạp chí	Học viện Tài chính	0-0,50 từ 2019 0-0,75 từ 2020
56	Phát triển và Hội nhập	1589-428X	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM	0-0,50
57	Khoa học và công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-3585	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp HN	0-0,50 từ 2013
58	Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội	1859-0764	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0-0,25 từ 2013
59	Kinh tế và Quản lý	1859-4565	Tạp chí	Học viện Chính trị QG HCM	0-0,25 từ 2013 0-0,50 từ 2016
60	Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-3828	Tạp chí	Trường ĐH Lâm nghiệp	0-0,25 từ 2013
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2015 trở đi					
61	Khoa học Kinh tế	0866-7969	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	0-0,5
62	Lý luận Chính trị	0868-2771	Tạp chí	Học viện Chính trị QG HCM	0-0,5
63	Kinh tế Kỹ thuật	0866-7802	Tạp chí	Trường ĐH KT-KT Bình Dương	0-0,25
64	Khoa học&Công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	0866-7896	Tạp chí	Trường Đh Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp	0-0,25
65	Thanh tra Tài chính	2354-0885	Tạp chí	Bộ Tài chính	0-0,25
66	Giáo dục lý luận *(chỉ tính bài kinh tế)*	0868-3492	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0-0,25

				Khu vực 1	
67	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Bản B)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0-0,25từ 2016 0-0,50 từ 2020
68	Nhân lực Khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học xã hội	0-0,25
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2016 trở đi					
69	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2333	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0-0,5
70	Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Cũ: Khoa học và phát triển, Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam)	1859-0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0-0.50 từ 2016 0-0,75 từ 2017
71	Phát triển bền vững vùng	2354-0729	Tạp chí	Viện NC Phát triển bền vững vùng, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,50 từ 2016 0-0,75 từ 2020
72	Khoa học xã hội Việt Nam *(chỉ tính bài kinh tế)*	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,5
73	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á	0866-7314	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á	0-0,5
74	Nghiên cứu Kiểm toán	1859-1671	Tạp chí	Kiểm toán nhà nước	0-0,25
75	Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển	1859-1388 Mới: 2588-1205	Tạp chí	Đại học Huế	0-0,50
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2017 trở đi					
76	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-4433	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Dầu Một	0-0,25
77	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-4816	Tạp chí	Trường ĐH Trà Vinh	0-0,25
78	Khoa học Quốc tế AGU Tên cũ: Khoa học (Chỉ tính bài Kinh tế)	0866-8086	Tạp chí	Trường ĐH An Giang	0-0,25 từ 2017 0-0,50 từ 2020
79	Khoa học Đại học Đà Lạt *(chỉ tính bài kinh tế)*	0866-787X	Tạp chí	Trường ĐH Đà Lạt	0-0,25
80	Khoa học Đại học Hải Phòng *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2368	Tạp chí	Trường ĐH Hải Phòng	0-0,25
81	Nghiên cứu Tài chính Marketing	1859-3690	Tạp chí	Trường ĐH Tài chính Marketing	0-0,25
82	Khoa học Đại học Văn Hiến *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2961	Tạp chí	Trường ĐH Văn Hiến	0-0,25
83	Khoa học Xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện KH Xã hội vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm	0-0,25 từ 2017 0-0,50 từ 2020

				KHXH Việt Nam	
84	Khoa học và Công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0-0,75
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2019 trở đi					
85	Khoa học công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-3968	Tạp chí	Trường ĐH Hùng Vương	0-0,25
86	Tài chính Doanh nghiệp	1859-3887	Tạp chí	Hội tư vấn Thuế Việt Nam	0-0,25
87	Kinh tế tài chính Việt Nam	2354-127X	Tạp chí	Viện Chiến lược và chính sách tài chính, Bộ Tài chính	0-0,25
88	Kinh tế và Quản trị kinh doanh	2525-2569	Tạp chí	Trường Kinh tế và QTKD, ĐH Thái Nguyên	0-0,25 từ 2019 0-0,50 từ 2020
89	Thông tin Khoa học xã hội *(chỉ tính bài kinh tế)*	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXNVN	0-0,25
90	Khoa học và công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	2615-9031	Tạp chí	Trường ĐH Đông Đô	0-0,25
91	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-4611	Tạp chí	Trường ĐH Tây Nguyên	0-0,25
92	Review of Finance	2615-8981	Tạp chí	Bộ Tài chính	0-0,50
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2020 trở đi					
93	Khoa học Đại học Huế: Xã hội và Nhân văn	2588-1205 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0-0,25
94	Nghiên cứu Dân tộc *(chỉ tính bài kinh tế)*	0866-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0-0,25
95	Khoa học xã hội (TP Hồ Chí Minh) *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-0163	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,25
96	Khoa học Quản lý và Kinh tế	2354-1350	Tạp chí	Trường Đại học Kinh tế Đại học Huế	0-0,50
97	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	0866-8051	Tạp chí	Trường Đại học Mở Hà	0-0,25
98	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2724	Tạp chí	Trường Đại học Giao thông Vận tải	0-0,25
99	Tổ chức nhà nước *(chỉ tính bài kinh tế)*	2588-137X	Tạp chí	Bộ Nội vụ	0-0,25
100	Khoa học và công nghệ Đại học Duy tân *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-4905	Tạp chí	Trường Đại học Duy Tân	0-0,25
101	Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-1469	Tạp chí	Trường ĐH Mỏ - Địa chất	0-0,25
102	Khoa học Yersin	2525-2372	Tạp chí	Trường ĐH Yersin Đà Lạt	0-0,25
103	Khoa học - Dalat University Journal of	0866-787X	Tạp chí	Trường ĐH Đà Lạt	0-0,50

	Science (Chỉ tính bài chuyên san Economics and Management)				
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2021 trở đi					
104	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2759-V 2588-1523-E	Tạp chí	Trường ĐH Hồng Đức	0-0,25
105	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	2615-9686	Tạp chí	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng	0-0,25
106	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	2354-1091	Tạp chí	Trường ĐH Tây Bắc	0-0,25
107	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	2525-2429	Tạp chí	Trường ĐH Văn Lang	0-0,25
108	Khoa học Tài chính Kế toán	2354-0958	Tạp chí	Trường ĐH Tài chính Kế toán (Quảng Ngãi) Bộ Tài chính	0-0,25
109	Khoa học công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-3968	Tạp chí	Trường ĐH Hùng Vương	0-0,50
110	Khoa học Đại học Văn Hiến *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2961	Tạp chí	Trường ĐH Văn Hiến	0-0,50
111	Kinh doanh và Công nghệ *(chỉ tính bài kinh tế)*	2615-9414	Tạp chí	Trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	0-0,25
112	Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế	2588-1221	Tạp chí	Trường ĐH Tây Đô	0-0,25
113	Thông tin khoa học chính trị *(chỉ tính bài kinh tế)*	2354-1474	Tạp chí	Học viện Chính trị khu vực IV-HVCTQG HCM	0-0,25
114	Nghiên cứu địa lý nhân văn *(chỉ tính bài kinh tế)*	2354-0648	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0-0,25
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2022 trở đi					
115	Khoa học và Công nghệ, Bản D (VMOST journal of Social Sciences and Humannities)	2734-9748	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0-0,25
116	Vietnam Journal of Science and Technology - MOST, Series B *(chỉ tính bài kinh tế)*	P-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0-0,75
117	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0-1,00
118	Tài chính	2615-8973	Tạp chí	Bộ Tài chính	0-0,75
119	Review of Finance	2615-8981	Tạp chí	Bộ Tài chính	0-0,75
120	Journal of Asian Business and Economic Studies (từ 2017)	e-2515-964X p-2615-9112	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế TP.HCM	0-1,50

	Tên cũ Journal of Economic Development	Cũ: 18591116			
121	Ho Chi Minh City Open University Journal Of Science - Economics and Business Administration	p-2734-9314 e-2734-9586	Tạp chí	Trường ĐH Mở Tp Hồ Chí Minh	0-0,75
122	VNU Journal of Economics and Business	2734-9853	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	0-0,50
123	Quản lý Nhà nước	2354-0761 (0868-2828) e-2815-5831	Tạp chí	Học viện Hành chính Quốc gia	0-0,75
124	State Management Review	2815-6012			0-0,25
125	Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán	1859-1671	Tạp chí	Kiểm toán nhà nước	0-0,50
126	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2333	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0-0,75
127	Can Tho University Journal of Science	2615-9422			0-0,25
128	Khoa học - Dalat University Journal of Science (chỉ tính bài chuyên san Economics and Management)	0866-787X	Tạp chí	Trường ĐH Đà Lạt	0-0,75
129	Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-3828	Tạp chí	Trường ĐH Lâm nghiệp	0-0,50
	Journal of Forestry Science and Technology	2615-9368			0-0,50
130	Kinh tế và Ngân hàng châu Á Tên cũ trước 2019: Công nghệ Ngân hàng (chỉ tính đối với các bài nghiên cứu khoa học)	2615-9813 Cũ: 1859-3682	Tạp chí	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	0-0,75
	Asian Journal of Economics and Banking Tên cũ: Banking Technology Review	p-2615-9821 e-2633-7991			0-0,75
131	Nguồn nhân lực và An sinh xã hội	2815-5610	Tạp chí	Trường ĐH Lao động Xã hội	0-0,25
132	Khoa học Quản lý và Công nghệ	2525-2348	Tạp Chí	Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu nghị	0-0,25
133	Khoa học và Công nghệ	1859-4336	Tạp Chí	Trường ĐH Bình Dương	0-0,25
134	Khoa học Nông nghiệp và Phát triển	2815-5866	Tạp Chí	Trường ĐH Nông - Lâm Bắc Giang	0-0,25
135	Khoa học	1859-0357	Tạp Chí	Trường ĐH Quy	0-0,25

				Nhơn	
136	Khoa học Công nghệ và Thực phẩm *(chỉ tính bài kinh tế)*	0866-8132	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí	0-0,25
137	Khoa học *(chỉ tính bài kinh tế)*	2615-9007	Tạp chí	Học viện Phụ nữ Việt Nam	0-0,25
138	Thông tin Khoa học xã hội *(chỉ tính bài kinh tế)*	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,50
139	Kinh tế tài chính Việt Nam	2354-127X	Tạp chí	Viện Chiến lược và chính sách tài chính, Bộ Tài chính	0-0,50
140	Nghiên cứu Công nghiệp và Thương mại	p-0866-7853 e-2734-9799	Tạp chí	Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công thương	0-0,25
141	Chính trị và Phát triển	1859-2457	Tạp chí	NXB Chính trị Quốc gia sự thật	0-0,25
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2023 trở đi					
142	Tạp chí Khoa học Đại học Đại Nam	2815-5580	Tạp chí	Trường Đại học Đại Nam	0-0,25
143	Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ *(chỉ tính bài kinh tế)*	p. 2859-4190 E. 2815-553X	Tạp chí	Trường Đại học Sao Đỏ	0-0,25
144	Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển	2588-1272	Tạp chí	Trường Đại học Nam Cần Thơ	0-0,25
145	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp	0866-7675	Tạp chí	Trường Đại học Đông Tháp	0-0,25
146	Tạp chí Khoa học trường Đại học Vinh (Khoa học Xã hội và Nhân văn) *(chỉ tính bài kinh tế)*	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0-0,25
147	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và truyền thông *(chỉ tính bài kinh tế)*	2525-2224	Tạp chí	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	0-0,25
148	Tạp chí Khoa học Đại học Cửu Long *(chỉ tính bài kinh tế)*	2354-1423	Tạp chí	Trường Đại học Cửu Long	0-0,25
149	Tạp chí Tài chính Quản trị Kinh doanh	2525-2305	Tạp chí	Trường Đại học Tài chính-Quản trị Kinh doanh	0-0,25
150	Tạp chí Khoa học và công nghệ Trường Đại học Hòa Bình (Chỉ tính bài kinh tế)	2734-9896	Tạp chí	Trường Đại học Hòa Bình	0-0,25
151	Journal of Economic and Banking Studies (JEBS)	2734-9853	Tạp chí	Học viện Ngân hàng	0-0,50
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2024 trở đi					

152	Tạp chí Chính sách và quản lý khoa học công nghệ (Chỉ tính bài kinh tế)	1859-3801	Tạp chí	Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	0-0,25 từ 2024
153	Tạp chí Điện tử khoa học và công nghệ giao thông (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9942	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	0-0,25 từ 2024
	Journal of Science and Transport Technology (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9950	Tạp chí	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	0-0,25 từ 2024
154	Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai (chỉ tính bài kinh tế)	2354-1482	Tạp chí	Trường Đại học Đồng Nai	0-0,25 từ 2024
155	Tạp chí Khoa học Đại học Hạ Long (chỉ tính bài kinh tế)	2815-5521	Tạp chí	Trường Đại học Hạ Long	0-0,25 từ 2024
156	Tạp chí khoa học Lạc Hồng (chỉ tính bài kinh tế)	2525-2186	Tạp chí	Trường Đại học Lạc Hồng	0-0,25 từ 2024
157	Tạp chí Khoa học tài chính - ngân hàng (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9543	Tạp chí	Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội	0-0,25 từ 2024
158	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2734-9500	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đông	0-0,25 từ 2024
159	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (chỉ tính bài kinh tế)	2615-9015	Tạp chí	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	0-0,25 từ 2024
160	Nghiên cứu khoa học và phát triển (chỉ tính bài kinh tế)	2815-570X	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đô	0-0,25 từ 2024

Ghi chú: Danh mục này được xây dựng dựa trên cơ sở Danh mục tạp chí khoa học ngành kinh tế được tính điểm. Danh mục có thể được điều chỉnh hàng năm theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3x4
(Đóng dấu giáp lai của tổ chức xác nhận cho người dự tuyển)

PHIẾU ĐĂNG KÝ

DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 202...

Từ bậc: Cử nhân ☐ Thạc sĩ ☐

1. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh: ..... Dân tộc : .....

Địa chỉ liên hệ *(nếu nhắn qua người khác đề nghị ghi cụ thể)*: .....

.....

Điện thoại: ..... Email: .....

Số CCCD: ..... Ngày cấp: .....

Địa chỉ thường trú: (Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương) .....

(Quận/Huyện) .....(Xã/Phường) .....

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Đào tạo đại học

Bằng đại học thứ nhất:

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....

Chuyên ngành: ..... Xếp loại tốt nghiệp: .....

Hệ đào tạo: ..... Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng): .....

Bằng đại học thứ hai:

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....

Chuyên ngành: ..... Xếp loại tốt nghiệp: .....

Hệ đào tạo: ..... Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng): .....

2.2. Đào tạo thạc sĩ

Bằng thạc sĩ thứ nhất:

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....

Chuyên ngành: ..... Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng): .....

Bằng thạc sĩ thứ hai:

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....

Chuyên ngành: ..... Năm tốt nghiệp (ghi trên bằng): .....

3. CHỨNG CHỈ/VĂN BẰNG NGOẠI NGỮ (nếu có):

Loại văn bằng/chứng chỉ: ..... Điểm số: ..... Ngày cấp: .....

Tổ chức cấp văn bằng/chứng chỉ: .....

4. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

TỪ NĂM	ĐẾN NĂM	CƠ QUAN CÔNG TÁC	CHỨC VỤ

5. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Năm công bố	Tên bài báo/ Báo cáo hội nghị, hội thảo	Tên tạp chí/Tên kỷ yếu Hội thảo Mã ISSN/ISBN	Số tạp chí, số trang/ Nhà xuất bản kỷ yếu, số trang

6. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

6.1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: .....

6.2. Thời gian đào tạo (đối với người dự tuyển từ trình độ thạc sĩ): 03 năm ☐ 04 năm ☐

7. CAM KẾT CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

7.1. Tôi xin cam kết những nội dung khai ở trên là đúng sự thật.

7.2. Tôi xin cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính của nghiên cứu sinh sau khi trúng tuyển như sau:

- Thực hiện đúng quy định của Trường Đại học Hòa Bình về đào tạo trình độ tiến sĩ
- Bảo đảm dành thời gian cho nghiên cứu, tham dự đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học, tham gia các hoạt động của đơn vị chuyên môn và thực hiện theo đúng kế hoạch học tập, nghiên cứu của Trường Đại học Hòa Bình.
- Đóng học phí và những kinh phí khác theo đúng quy định của Trường Đại học Hòa Bình.

Nếu không thực hiện đúng các cam kết trên đây, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xử lý của Trường Đại học Hòa Bình theo các quy định về quản lý đào tạo tiến sĩ.

Ngày ..... tháng ..... năm .....
Người dự tuyển
(Ký và ghi rõ họ tên)

8. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ HOẶC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

.....

.....

Ngày ..... tháng ..... năm .....
Lãnh đạo cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	
V.v. Cử ..... dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ năm 20…	*Hà Nội, ngày tháng năm 20…*

Kính gửi: Trường Đại học Hòa Bình

Cơ quan: .....

Đồng ý cử Ông/Bà.....

Sinh ngày:.....

là (giảng viên, cán bộ) phụ trách công việc .....

đến Trường Đại học Hòa Bình làm thủ tục dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ năm …, ngành đào tạo .....

Đề nghị Trường Đại học Hòa Bình xem xét và tạo điều kiện cho ông/bà ..... dự tuyển và làm nghiên cứu sinh năm … (nếu trúng tuyển).

Xin trân trọng cảm ơn!

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ GIỚI THIỆU NGƯỜI DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

1. Thông tin chung về người dự tuyển nghiên cứu sinh (NCS)

Họ và tên: .....

Ngày sinh:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Email: .....

2. Nhận xét của người giới thiệu

Ông/bà cho biết mình đã biết đến người dự tuyển NCS trong hoàn cảnh nào (đề nghị nêu rõ bối cảnh, thời gian, mức độ hiểu rõ về người dự tuyển NCS).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ông/bà đánh giá như thế nào về năng lực chuyên môn, khả năng sáng tạo, mức độ chuyên cần, quyết tâm, khả năng theo đuổi nghiên cứu độc lập ở trình độ tiến sĩ của người dự tuyển. Nếu có thể, đề nghị ông/bà so sánh người dự tuyển với những người dự tuyển hoặc NCS khác mà ông/bà đã làm việc, hướng dẫn, hoặc giảng dạy.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đánh giá của người giới thiệu

Ông/bà đánh giá như thế nào về các năng lực sau của người dự tuyển

Năng lực	Dưới mức trung bình	Trung bình (Từ 50% - dưới 70%)	Khá (Từ 70% - dưới 90%)	Xuất sắc (Từ 90% trở lên)	Không có đủ thông tin để đánh giá
Động cơ tham gia khoá học					
Khả năng tổ chức và trình bày ý tưởng					
Khả năng tư duy logic					
Khả năng phản biện					
Khả năng lập kế hoạch và hoàn thành khoá học					
Khả năng nghiên cứu độc lập					

4. Thông tin về người giới thiệu

Họ và tên người giới thiệu: .....

Học hàm, học vị: .....

Nghề nghiệp/Chức vụ: .....

Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu: .....

Cơ quan công tác: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Tôi đồng ý để Trường Đại học Hòa Bình liên hệ, trao đổi thêm về người dự tuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Người giới thiệu

(Ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 202..

Họ và tên:

Đề tài/Hướng nghiên cứu:

Chuyên ngành:

Người hướng dẫn khoa học (dự kiến):

HÀ NỘI – 202…

1. Lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu

2. Tổng quan các công trình khoa học đã được công bố trong và ngoài nước về đề tài/hướng nghiên cứu được lựa chọn

3. Mục tiêu nghiên cứu

4. Phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện

5. Dự kiến đóng góp của nghiên cứu

6. Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu (gợi ý)
Năm thứ 1	Hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có)
	Hoàn thành Học phần 1 và 2 về phương pháp nghiên cứu
	Hoàn thành Học phần 3 và 4 về lý thuyết chuyên ngành
	Hoàn thành Đề xuất nghiên cứu
	Hoàn thành Tiểu luận tổng quan nghiên cứu
	Hoàn thành phần 1 của luận án
Năm thứ 2	Hoàn thành Chuyên đề tiến sĩ số 1
	Hoàn thành Chuyên đề tiến sĩ số 2
	Báo cáo kết quả nghiên cứu cấp trường
	Tham gia seminar cấp trường
	Hoàn thành phần 2 của luận án
	Hoàn thành phần 3 của luận án
	Công bố bài báo khoa học số 1
Năm thứ 3	Hoàn thành phần 4 của luận án
	Hoàn thành phần 5 của luận án
	Công bố bài báo khoa học số 2
Năm thứ 4	Hoàn thành phần 6 của luận án
	Hoàn thành bài báo khoa học số 3 (nếu có)

Người hướng dẫn (dự kiến)
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người dự tuyển
(Ký và ghi rõ họ tên)

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
HOA BINH UNIVERSITY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hanoi, ……, 202

RESEARCH PROPOSAL
(Submitted as Partial Fulfillment of the requirements for the PhD Program)

PhD applicant:

Research topic:

Supervisor:

Major:

1. Introduction

2. Literature review

3. Research objectives

4. Research method

5. Expected new contributions

6. Research plan

Supervisor
(signature)

PhD applicant
(signature)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Họ và tên: .....

Ngành, chương trình đào tạo dự tuyển: .....

Năm công bố	Tên bài báo/ Báo cáo hội nghị, hội thảo	Tên tạp chí/Tên kỷ yếu Hội thảo, Mã ISSN/ISBN	Số tạp chí, số trang/ Nhà xuất bản kỷ yếu, số trang
Công trình để chấm điểm theo quy định			
Công trình để chấm điểm thưởng			

HÀ NỘI – 20…